

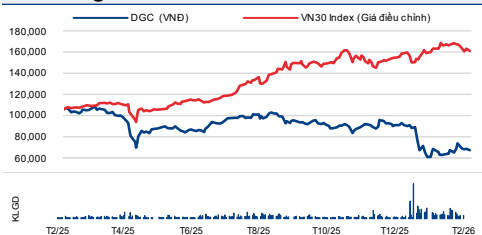
Tăng tỷ trọng

Giá mục tiêu: VNĐ115,300
Tiềm năng tăng/giảm: 69.8%

Giá cổ phiếu (đồng) (3/2/2026)	67,900
Mã Bloomberg	DGC VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	60,900-108,553
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	67,933
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	25,787
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	992
Slg CP lưu hành (tr.đv)	380
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	186
Slg CP NN được mua (tr.đv)	142
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	11.7%
Tỷ lệ freefloat	60.9%
Cổ đông lớn	Đào Hữu Huyền (18.4%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	9,865	11,357	13,364
EBITDA đc (tỷ đồng)	3,200	3,517	4,215
LNTT (tỷ đồng)	3,400	3,807	4,466
LNT ĐC (tỷ đồng)	2,849	3,081	3,677
FCF (tỷ đồng)	2,597	1,515	2,560
EPS ĐC (đồng)	7,501	8,113	9,683
DPS (đồng)	3,000	3,000	3,000
BVPS (đồng)	35,173	40,760	46,875
T.trưởng EBITDA (%)	(0.43)	9.91	19.8
T.trưởng EPS ĐC (%)	(3.98)	8.13	19.0
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	32.4	31.0	31.5
Tỷ suất LNTTT (%)	34.5	33.5	33.4
Tỷ suất LNT ĐC (%)	30.3	28.4	28.8
Tỷ lệ LN trả CT (%)	38.1	35.3	29.6
Nợ thuần/VCSH (%)	6.15	11.1	8.57
ROAE (%)	23.8	22.4	23.1
ROACE (%)	21.9	21.0	21.4
EV/doanh thu (lần)	2.69	2.42	2.04
EV/EBITDA ĐC (lần)	8.29	7.82	6.48
P/E ĐC (lần)	9.05	8.37	7.01
P/B (lần)	1.93	1.67	1.45
Lợi suất cổ tức (%)	4.42	4.42	4.42

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

DGC là doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu hàng đầu sản phẩm có gốc photpho tại Việt Nam, bao gồm photpho vàng, axit photphoric, phân bón và phụ gia TACN. Công ty cũng đang mở rộng hoạt động của mình sang sản phẩm như xút, clo, etc bên cạnh các sản phẩm lâu đời của công ty như bột giặt.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA
Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q4/2025: Lợi nhuận thuần giảm 17%; thấp hơn dự báo 25% do chi phí tăng cao

- DGC công bố KQKD Q4/2025 kém tích cực, cho thấy lợi nhuận thuần đạt 622 tỷ đồng (giảm 17% so với cùng kỳ và so với quý trước), thấp hơn 25% so với kỳ vọng của HSC dù doanh thu thuần sát với dự báo, đạt 2.741 tỷ đồng (tăng 13% so với cùng kỳ nhưng giảm 3% so với quý trước).
- Nguyên nhân chủ yếu là do chi phí đầu vào tăng mạnh khi DGC phải chuyển sang sử dụng nguồn quặng apatit nhập khẩu (có giá cao hơn) nhằm bù đắp cho sự thiếu hụt của nguồn cung trong nước.
- Doanh thu thuần năm 2025 của DGC đạt 11.262 tỷ đồng (tăng trưởng 14%) và lợi nhuận thuần 3.025 tỷ đồng (tăng trưởng 1%), hoàn thành 99,2% và 93,7% dự báo cho cả năm của HSC.
- Chúng tôi đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu đối với DGC.

Sự kiện: Công bố KQKD Q4/2025

KQKD Q4/2025 của DGC cho thấy một quý nhiều thách thức về khả năng sinh lời. Mặc dù đạt được mức tăng trưởng doanh thu ổn định và nhất quán, công ty phải đối mặt với tình trạng sụt giảm mạnh của tỷ suất lợi nhuận do chi phí đầu vào tăng vọt. Do đó, lợi nhuận thuần thấp hơn 25% do với kỳ vọng của chúng tôi, khi đà tăng trưởng vững chắc của doanh thu bị bào mòn bởi chi phí sản xuất tăng cao. Chi tiết như sau:

Doanh thu thuần vẫn vững chắc và sát với dự báo, tăng 13% so với cùng kỳ...

Doanh thu thuần Q4/2025 của DGC vững chắc ở mức 2.741 tỷ đồng, tăng 13% so với cùng kỳ nhưng giảm 3% so với quý trước, gần như sát với dự báo của HSC. Mặc dù số liệu chi tiết về cơ cấu doanh thu chưa được công bố, chúng tôi cho rằng đã tăng trưởng doanh thu chủ yếu nhờ sản lượng phốt pho vàng (P4) tăng 17% so với cùng kỳ, cùng với giá bán bình quân của sản phẩm này tăng 3%.

Với kết quả trên, doanh thu thuần năm 2025 đạt 11.262 tỷ đồng, tăng trưởng 14% và hoàn thành 99,2% dự báo cho cả năm 2025 của chúng tôi.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 4/2.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q4/2025, DGC

Lợi nhuận thuần Q4/2025 thấp hơn dự báo của HSC 25%, do chi phí đầu vào cao hơn ước tính

Tỷ đồng	Q4/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	2025	Tăng trưởng	Dự báo - HSC	% dự báo - HSC
Doanh thu thuần	2,741	13.3%	-2.7%	11,262	14.2%	11,357	99.2%
Lợi nhuận gộp	716	-19.2%	-18.2%	3,553	3.0%		
Tỷ suất lợi nhuận gộp	26.1%	-10.6 ppts	-5.0 ppts	31.5%	-3.5 ppts		
Chi phí BH&QL	129	-25.7%	-10.6%	554	-10.3%		
Chi phí BH&QL/doanh thu	4.7%	-2.5 ppts	-0.4 ppts	4.9%	-1.4 ppts		
Lợi nhuận HĐ tài chính	157	0.6%	-9.3%	621	7.0%		
LNNT	740	-14.7%	-17.9%	3,606	6.0%	3,807	94.7%
LNST	657	-16.6%	-18.3%	3,189	2.6%	3,388	94.1%
Lợi nhuận thuần	622	-17.0%	-17.3%	3,025	1.3%	3,229	93.7%

Nguồn: DGC, HSC

...trong khi lợi nhuận thuần giảm 17% so với cùng kỳ do tỷ suất lợi nhuận thu hẹp

Mặc dù doanh thu tăng mạnh (phù hợp với dự báo của HSC), lợi nhuận thuần của DGC đạt mức khiêm tốn 622 tỷ đồng (giảm 17% so với cùng kỳ và giảm 17% so với quý trước). Lợi nhuận giảm chủ yếu do tỷ suất lợi nhuận giảm mạnh. Theo BLĐ, điều này là do chi phí đầu vào tăng vọt (cụ thể là quặng photphát, lưu huỳnh, điện và amoniac). Đáng chú ý, việc phụ thuộc nhiều hơn vào nguồn quặng nhập khẩu với giá cao dẫn đến giá vốn hàng bán (COGS) tăng vọt 32% so với cùng kỳ, gây áp lực lên lợi nhuận.

Theo đó, lợi nhuận gộp Q4/2025 giảm mạnh 19% so với cùng kỳ và 18% so với quý trước xuống còn 716 tỷ đồng. Tỷ suất lợi nhuận gộp Q4/2025 giảm mạnh xuống chỉ còn 26,1% (từ 36,7% trong Q4/2024 và 31,1% trong Q3/2025). Trong khi đó, chi phí bán hàng & quản lý trong quý được kiểm soát tốt, giảm 26% so với cùng kỳ và 11% so với quý trước xuống còn 129 tỷ đồng, tương đương 4,7% doanh thu thuần (so với 7,2% trong Q4/2024 và 5,1% của Q3/2025). Lợi nhuận HĐ tài chính đi ngang so với cùng kỳ, đạt 157 tỷ đồng (giảm 9% so với quý trước).

Việc quản lý tốt chi phí bán hàng & quản lý cùng với lợi nhuận HĐ tài chính ổn định đã giúp thu hẹp đã giảm (so với cùng kỳ) của lợi nhuận thuần (giảm 17% so với cùng kỳ và so với quý trước), trong khi lợi nhuận gộp giảm 19%.

Tóm lại, lợi nhuận thuần Q4/2025 đạt 622 tỷ đồng, giảm 17% cả so với cùng kỳ và so với quý trước, thấp hơn 25% dự báo của chúng tôi do chi phí đầu vào tăng cao. Kết quả này cho thấy lợi nhuận thuần năm 2025 đạt 3.025 tỷ đồng, tăng trưởng 1% hoàn thành 93,7% dự báo cho cả năm 2025 của chúng tôi.

Xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

Với lợi nhuận Q4/2025 thấp hơn 25% so với dự báo (tương đương với thấp hơn 6% so với dự báo cho cả năm), HSC đang xem xét lại dự báo lợi nhuận.

Giá cổ phiếu DGC đã giảm 26% trong ba tháng qua, diễn biến kém tích cực hơn 31% so với chỉ số VN Index. Việc cổ phiếu bị định giá lại cho thấy thị trường ngày càng lo ngại về việc tăng cường giám sát pháp lý đối với hoạt động khai thác khoáng sản trên khắp Việt Nam, bao gồm cả những rủi ro liên quan đến hoạt động của DGC. Trước những bất ổn về vận hành và pháp lý này, chúng tôi đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu để đánh giá lại hồ sơ rủi ro/lợi nhuận của công ty.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	9,748	9,865	11,357	13,364	14,597
Lợi nhuận gộp	3,437	3,449	3,785	4,498	4,766
Chi phí BH&QL	(581)	(618)	(647)	(802)	(876)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	2,856	2,832	3,138	3,697	3,890
Lãi vay thuần	641	580	682	785	959
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	(1.38)	(11.6)	(13.3)	(15.6)	(17.1)
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	3,495	3,400	3,807	4,466	4,832
Chi phí thuế TNDN	(243)	(293)	(419)	(447)	(531)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(142)	(121)	(159)	(175)	(193)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	3,110	2,987	3,229	3,844	4,107
Lợi nhuận thuần ĐC	2,781	2,849	3,081	3,677	3,929
EBITDA ĐC	3,214	3,200	3,517	4,215	4,424
EPS (đồng)	8,190	7,864	8,503	10,121	10,815
EPS ĐC (đồng)	7,322	7,501	8,113	9,683	10,346
DPS (đồng)	3,000	3,000	3,000	3,000	3,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	380	380	380	380	380
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	380	380	380	380	380
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	380	380	380	380	380

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	1,061	116	174	424	861
Đầu tư ngắn hạn	9,342	10,570	12,570	14,570	17,570
Phải thu khách hàng	1,130	980	1,192	1,336	1,606
Hàng tồn kho	855	985	1,666	1,773	1,671
Các tài sản ngắn hạn khác	79.7	50.1	114	134	146
Tổng tài sản ngắn hạn	12,467	12,701	15,716	18,238	21,854
TSCĐ hữu hình	2,331	2,314	2,961	3,542	3,065
TSCĐ vô hình	352	343	334	325	317
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	420	431	417	428	440
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	31.2	32.5	34.1	35.8	37.6
Tổng tài sản dài hạn	3,134	3,121	3,746	4,332	3,859
Tổng cộng tài sản	15,601	15,821	19,462	22,569	25,713
Nợ ngắn hạn	1,328	865	1,893	1,950	2,064
Phải trả người bán	190	313	0	0	0
Nợ ngắn hạn khác	1,833	620	1,514	2,059	2,315
Tổng nợ ngắn hạn	3,493	2,053	3,407	4,009	4,379
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	70.0	66.6	73.3	80.6	88.7
Nợ dài hạn khác	0.27	0.28	0.29	0.30	0.31
Tổng nợ dài hạn	70.3	66.9	73.6	80.9	89.0
Tổng nợ phải trả	3,563	2,120	3,481	4,090	4,468
Vốn chủ sở hữu	11,707	13,358	15,480	17,802	20,375
Lợi ích cổ đông thiểu số	330	343	502	677	870
Tổng vốn chủ sở hữu	12,037	13,701	15,982	18,479	21,245
Tổng nợ phải trả và VCSH	15,601	15,821	19,462	22,569	25,713
BVPS (đ)	30,826	35,173	40,760	46,875	53,649
Nợ thuần/(tiền mặt)	267	749	1,719	1,526	1,204

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	2,856	2,832	3,138	3,697	3,890
Khấu hao	(358)	(368)	(379)	(519)	(533)
Lãi vay thuần	641	580	682	785	959
Thuế TNDN đã nộp	(265)	(243)	(419)	(447)	(531)
Thay đổi vốn lưu động	(201)	112	(572)	(151)	(366)
Khác	14.1	28.9	(13.3)	(15.6)	(17.1)
LCT thuần từ HKKD	2,794	3,119	2,555	3,660	3,569
Đầu tư TS dài hạn	(251)	(522)	(1,040)	(1,100)	(55.6)
Góp vốn & đầu tư	(9,182)	(9,166)	(1,346)	(1,228)	(2,051)
Thanh lý	7,094	8,535	0	0	0
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(2,338)	(1,152)	(2,386)	(2,328)	(2,107)
Cổ tức trả cho CSH	(1,774)	(2,445)	(1,139)	(1,139)	(1,139)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	853	(468)	1,028	57.5	114
Khác	-	-	-	-	-
LCT thuần từ HĐTC	(920)	(2,912)	(111)	(1,082)	(1,025)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	1,535	1,061	116	174	424
LCT thuần trong kỳ	(465)	(945)	57.8	250	437
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.00	0.25	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	1,061	116	174	424	861
Dòng tiền tự do	2,543	2,597	1,515	2,560	3,513

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	35.3	35.0	33.3	33.7	32.7
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	33.0	32.4	31.0	31.5	30.3
Tỷ suất LNT (%)	31.9	30.3	28.4	28.8	28.1
Thuế TNDN hiện hành (%)	6.96	8.61	11.0	10.0	11.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	(32.5)	1.20	15.1	17.7	9.23
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(48.9)	(0.43)	9.91	19.8	4.94
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(48.8)	2.46	8.15	19.3	6.84
Tăng trưởng EPS (%)	(44.1)	(3.98)	8.13	19.0	6.85
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(48.8)	2.46	8.15	19.3	6.84
Tăng trưởng DPS (%)	(25.0)	0	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	36.6	38.1	35.3	29.6	27.7
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	28.1	23.8	22.4	23.1	21.5
ROACE (%)	24.9	21.9	21.0	21.4	19.5
Vòng quay tài sản (lần)	0.67	0.63	0.64	0.64	0.60
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.98	1.10	0.81	0.99	0.92
Số ngày tồn kho	49.4	56.0	80.3	73.0	62.1
Số ngày phải thu	65.3	55.7	57.5	55.0	59.6
Số ngày phải trả	11.0	17.8	0	0	0
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	2.81	6.15	11.1	8.57	5.91
Nợ/tài sản (%)	8.91	5.92	9.73	8.64	8.03
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	0.43	0.29	0.54	0.46	0.47
Chỉ số TT hiện thời (lần)	3.57	6.19	4.61	4.55	4.99
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	2.67	2.69	2.42	2.04	1.85
EV/EBITDA ĐC (lần)	8.11	8.29	7.82	6.48	6.10
P/E (lần)	8.29	8.63	7.99	6.71	6.28
P/E ĐC (lần)	9.27	9.05	8.37	7.01	6.56
P/B (lần)	2.20	1.93	1.67	1.45	1.27
Lợi suất cổ tức (%)	4.42	4.42	4.42	4.42	4.42

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn